TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày: 28-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: **Vũ Xuân Quế**.

- Ông: **Dương Văn Mạnh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Chiến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **K' Đào** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2018; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Minh S**; Sinh năm: 1988; Tại: Hòa Bình; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Đức H, sinh năm: 1963 và bà Bùi Thị Ng, sinh năm: 1966; Vợ: Bùi Thị S, sinh năm: 1990; Con: Có 01 con, sinh năm 2011; Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 06/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đ xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 105/2017/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/01/2018; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2018 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Trung Th**; Sinh năm: 1988; Tại: Bình Định; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 4, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Trần Đình Ph, sinh năm: 1964 và bà Phạm Thị L, sinh năm: 1966; Vợ: Lê Thị D, sinh năm: 1989; Con: Có 01 con (Con nuôi), sinh năm 2013; Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 16/11/2012 bị Tòa án nhân dân thành Phố Q, tỉnh B xử phạt 4 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" và 01 năm từ về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số

169/2012/HSST và Bản án số 12/2013/HSPT ngày 23/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh B, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/5/2016; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2018 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phạm Văn B**; Sinh năm: 1985; Tại: Bình Định; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở hiện nay: Thôn Th, xã Ph, thành phố Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Đình Tr, sinh năm: 1950 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1954; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1976; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 24/01/2006 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 05/2006/HSST; Ngày 15/4/2011 bị Tòa án nhân dân thành Phố Q, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội "cố ý gây thương tích" theo Bản án số 39/2011/HSST và Bản án số 121/2011/HSPT của Tòa án nhân dân tỉnh B ngày 23/6/2011, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/10/2011.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2018 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

1. Ông **Hoàng Văn N**; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn 1, xã M, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông **Hoàng Văn Th**; Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà **Đoàn Thị Hồng Th**; Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông **Ngô Thanh T**; Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Ông **Vàng Seo P**; Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Thôn 5, xã M, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông **Giàng Văn D**; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn 5, xã M, huyện R, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

7. Ông **Quách Công Kh**; Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông **Nguyễn Tấn Th**; Sinh năm: 1967; Địa chỉ: Xóm N, thôn T, xã B, huyện S, tỉnh B. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Biết được Bùi Minh S và Phạm Văn B đang có ý định trộm cắp tài sản cụ thể là đi trộm cắp chó bán lấy tiền tiêu xài nên sáng ngày 20/4/2018, Trần Trung Th đã gặp S, B để đặt vấn đề xin đi trộm cắp cùng thì S, B đồng ý. Đến 17 giờ cùng ngày, S gọi điện

thoại cho Th và nói Th chạy xe ô tô đến phòng trọ của B để đi trộm chó. Th điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 77H-8393 thuê của ông Nguyễn Tấn Th đến chỗ của S, B ở trọ. S lấy xe máy chở Th đi mua băng keo, nước uống. Khoảng 20 giờ cùng ngày, S, B, Th đưa các công cụ, phương tiện dùng để bắt chó đã chuẩn bị từ trước đưa lên xe ô tô gồm một Bình ắc quy có nối với cây đâm, 01 xe máy biển kiểm soát 47M1-236.20. Sau đó, S nói với B, Th về đường đi dọc theo huyện E lên Đ, tỉnh L để bắt chó và nói sau khi trộm được chó bán thì trừ chi phí còn lại chia đều cho cả 3 người thì B, Th đồng ý. S điều khiển xe ô tô chở B, Th, trên đường đi thì S phát hiện 01 lồng sắt để ven đường nên xuống lấy bỏ lên thùng xe. S, Th thay nhau điều khiển xe chạy từ huyện E, tỉnh Đ đến địa phận xã M, huyện R, tỉnh L thì dựng xe. S, B lấy chiếc xe máy trên thùng xe xuống và lấy các công cụ bắt chó gồm 01 Bình ắc quy nối với cây đâm, bao tải, đèn pin, băng keo. S điều khiển xe máy chở B đi bắt trộm chó, Th điều khiển ô tô đi theo sau để khi bắt được chó sẽ bỏ vào thùng xe. Sau khi bắt được 06 con chó bỏ lên thùng xe cất giấu và tiếp tục bắt đến con chó thứ 7 thì bị Công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Theo kết luận định giá số 17/KL-HĐĐG ngày 27/4/2018 của Hội định giá tài sản huyện Đam Rông kết luận 07 con chó có tổng trọng lượng 124kg, trị giá là 6.200.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Minh S, Trần Trung Th, Phạm Văn B khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSĐR ngày 15/8/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng để xét xử các bị cáo Bùi Minh S, Trần Trung Th, Phạm Văn B về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Minh S, Trần Trung Th, Phạm Văn B phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Bùi Minh S; Trần Trung Th từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 12 đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập xem xét về trách nhiệm dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 47M1-236.20 là phương tiện các bị cáo sử dụng để đi bắt trộm chó hiện chưa xác định được chủ sở hữu nên cần

giao cho Công an huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xem xét, xử lý theo quy định của phát luật.

Đối với 01 lồng sắt; 04 bao tải; 03 cuộn băng keo màu đen; 01 đèn pin đội đầu; 01 con dao thái lan cán màu vàng; 01 thanh mã tấu dài 60cm; 01 bình ắc quy được nối với thanh kim loại có quấn kín bằng băng keo, bằng dây dẫn điện, đầu thanh kim loại được gắn hai đinh nhọn; 01 thanh kim loại được quấn băng keo màu đen có dây dẫn nối với phích cắm, đầu còn lại được gắn hai đinh sắt nhọn là công cụ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, xét không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoai di động nhãn hiệu Nôkia thu giữ của bị cáo Sáng và 01 điện thoại Sam Sung bàn phím, không có nắp đậy phía sau thu giữ của bị cáo Th là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau để thống nhất thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên tịch thu sung quỹ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu trắng màn hình cảm ứng; 01 bóp da màu đen; 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Trần Trung Th; số tiền 2.445.000 đồng thu giữ của bị cáo Th và 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Minh S thu giữ của bị cáo S không liên quan đến việc phạm tội nên cần áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên tịch trả cho bị cáo Th, S.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Bùi Minh S xin lỗi toàn bộ người bị hại, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm hòa nhập với công đồng.

Bị cáo Trần Trung Th xin lỗi toàn bộ người bị hại, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm hòa nhập với công đồng.

Bị cáo Phạm Văn B xin lỗi toàn bộ người bị hại, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và 04 con của bị cáo còn nhỏ nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm hòa nhập với công đồng với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đam Rông; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Bùi Minh S, Trần Trung Th, Phạm Văn B tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Bùi Minh S, Trần Trung Th, Phạm Văn B phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó việc truy tố các bị cáo Bùi Minh S, Trần Trung Th, Phạm Văn B về tội *"Trộm cắp tài sản"*theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng là có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Minh S, Trần Trung Th, Phạm Văn B được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đã lén lút, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 07 con chó với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 6.200.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Trong vụ án này bị cáo S, B đã cùng bàn bạc, chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo Th tham gia vời vai trò đồng phạm.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo S, Th đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo B đã 02 lần bị kết án tuy đã được xóa án tích nhưng cũng cần xem xét đây là tình tiết về nhân thân khi quyết định hình phạt. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Hoàng Văn N, ông Hoàng Văn Th, bà Đoàn Thị Hồng Th, ông Ngô Thanh T, ông Vàng Seo P, ông Giàng Văn D, ông Quách Công Kh đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Th đã nhận lại tài sản bị thu giữ và không có ý kiến, yêu cầu gì . Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 77H-8393 kèm theo giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe cơ giới. Quá trình điều tra xác định chiếc xe do bị cáo Th thuê của ông Nguyễn Tấn Th để chở hàng hóa, việc bị cáo Th sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản ông Th không biết nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 47M1-236.20 là phương tiện các bị cáo sử dụng để đi bắt trộm chó hiện chưa xác định được chủ sở hữu nên cần giao cho Công an huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xem xét, xử lý theo quy định của phát luật.

Đối với 01 lồng sắt; 04 bao tải; 03 cuộn băng keo màu đen; 01 đèn pin đội đầu; 01 con dao thái lan, cán màu vàng; 01 thanh mã tấu dài 60cm; 01 bình ắc quy được nối với thanh kim loại có quấn kín bằng băng keo, bằng dây dẫn điện, đầu thanh kim loại được gắn hai đinh nhọn; 01 thanh kim loại được quấn băng keo màu đen có dây dẫn nối với phích cắm, đầu còn lại được gắn hai đinh sắt nhọn là công cụ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, xét không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng Điểm c Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoai di động nhãn hiệu Nôkia thu giữ của bị cáo S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung bàn phím, không có nắp đậy phía sau thu giữ của bị cáo Th là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau để trao đổi, thống nhất thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sư; Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên tịch thu sung quỹ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu trắng màn hình cảm ứng, 01 bóp da màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Trung Th, 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Trần Trung Th và số tiền 2.445.000 đồng thu giữ của bị cáo Th; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Minh S thu giữ của bị cáo S không liên quan đến việc phạm tội nên cần áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên tịch trả cho bị cáo Th, bị cáo S.

[7] Về án phí: Áp dụng vào khoản 2, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Bùi Minh S, Trần Trung Th, Phạm Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Bùi Minh S, Trần Trung Th, Phạm Văn B** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Minh S** 18 (Mười tám) tháng tù; Thời hạn tù được tính từ ngày 21 tháng 4 năm 2018.

Xử phạt bị cáo **Trần Trung Th** 15 (Mười lăm) tháng tù; Thời hạn tù được tính từ ngày 21 tháng 4 năm 2018.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn B** 15 (Mười lăm) tháng tù; Thời hạn tù được tính từ ngày 21 tháng 4 năm 2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sư; Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoai di động nhãn hiệu Nôkia và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung bàn phím, không có nắp đậy phía sau.

Tuyên trả cho bị cáo Bùi Minh S 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Minh S.

Tuyên trả cho bị cáo Trần Trung Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu trắng màn hình cảm ứng; 01 bóp da màu đen; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Trung Th; 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Trần Trung Th và số tiền 2.445.000 đồng hiện đã nộp tại kho bạc Nhà nước huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 18/7/2018, tài khoản số 3949.0.9065261.00000 của Công an huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên giao 01 xe mô tô biển kiểm soát 47M1-236.20 cho Công an huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xem xét, xử lý theo quy định của phát luật.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 lồng sắt; 04 bao tải; 03 cuộn băng keo màu đen; 01 đèn pin đội đầu; 01 con dao thái lan cán màu vàng; 01 thanh mã tấu dài 60cm; 01 bình ắc quy được nối với thanh kim loại có quấn kín bằng băng keo, bằng dây dẫn điện, đầu thanh kim loại được gắn hai đinh nhọn; 01 thanh kim loại được quấn băng keo màu đen có dây dẫn nối với phích cắm, đầu còn lại được gắn hai đinh sắt nhọn.

3. Về án phí: Áp dụng vào khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Bùi Minh S, Trần Trung Th, Phạm Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tóa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND H.Đam Rông;
- CQ Đtra CA H.Đam Rông;
- CQ THAHS H.Đam Rông;
- CC THADS H.Đam Rông;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QL,NV liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Ngọc Bình